



Nhận diện tác động và rủi ro thực hiện kế hoạch rà soát và chuyển đổi rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất

**Nguyễn Việt Dũng & Nguyễn Hải Vân
Trung tâm Con người và Thiên nhiên**



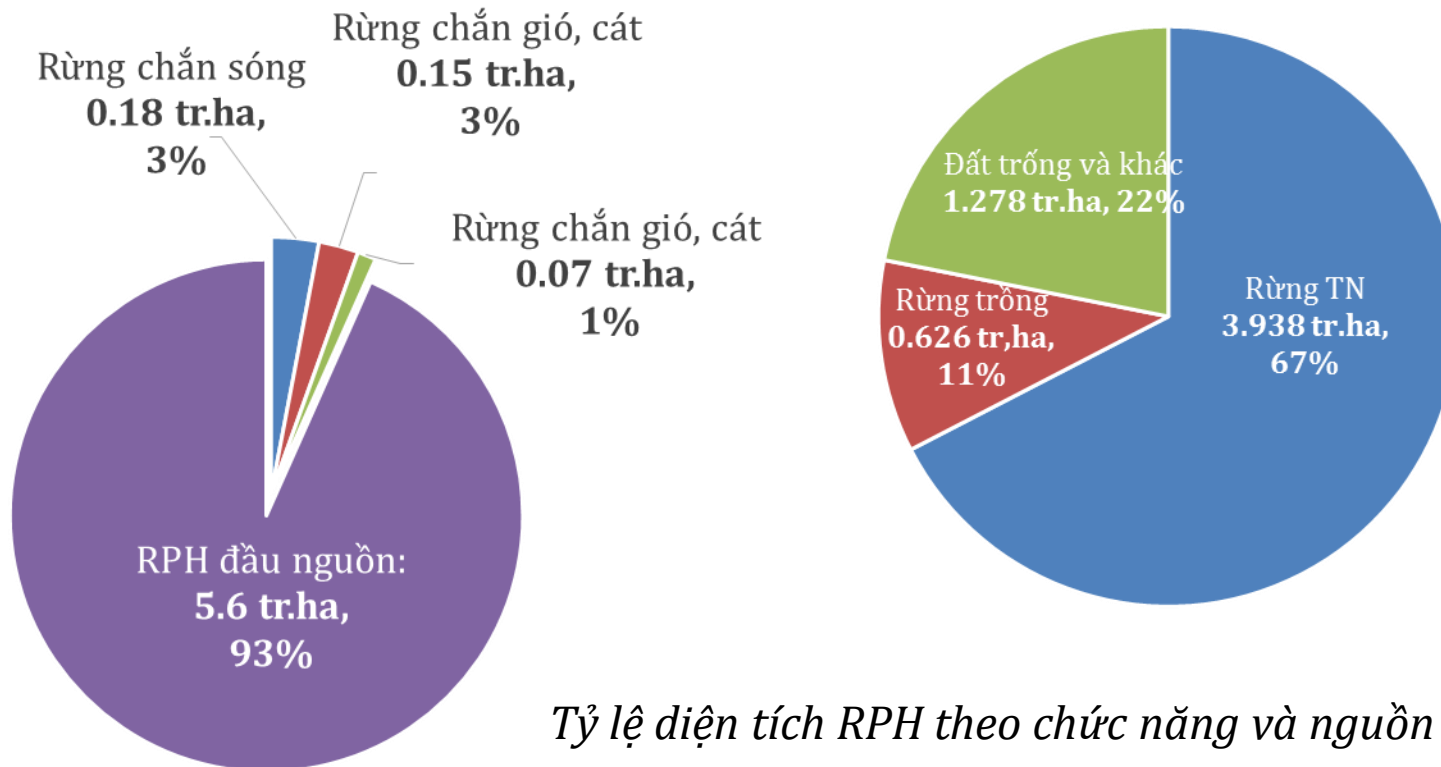
NỘI DUNG

1. Hiện trạng đất và rừng RPH
2. Chính sách rà soát, chuyển đổi RPH đầu nguồn ít xung yếu sang RSX
3. Nhận diện một số tác động và rủi ro
4. Một số khuyến nghị



Hiện trạng đất và rừng RPH

Diện tích đất RPH toàn quốc năm 2014: 5,842 triệu ha (*BNNPTNT, 2015*)

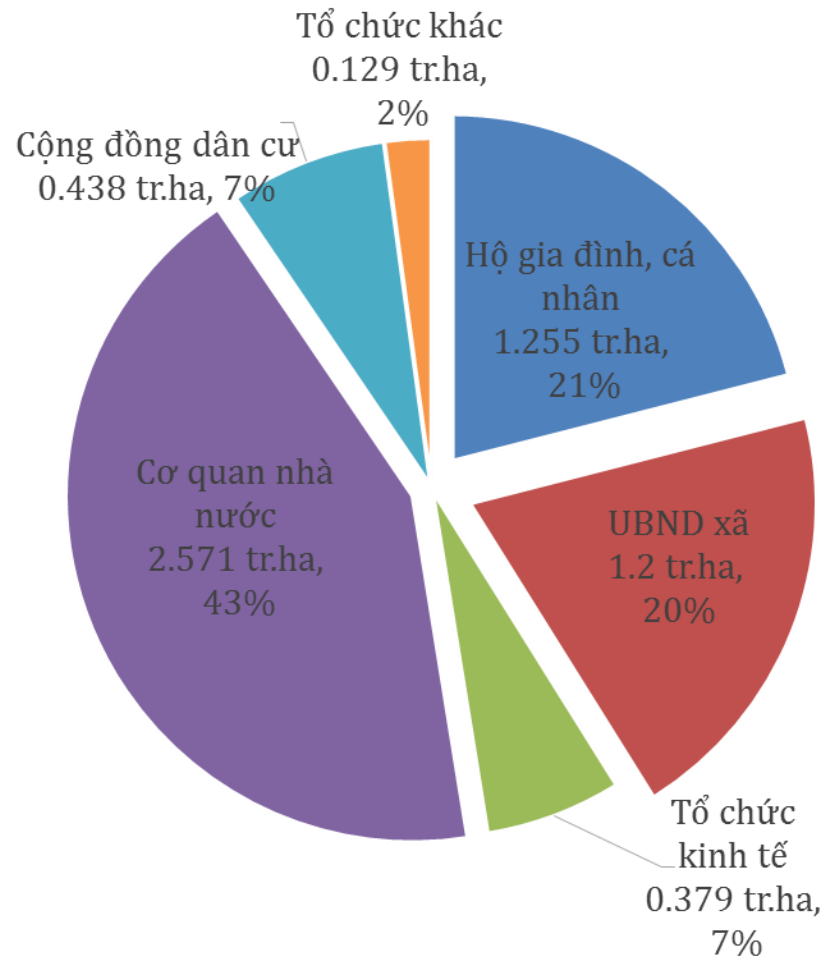


Tỷ lệ diện tích RPH theo chức năng và nguồn gốc

Nguồn: Số liệu hiện trạng rừng toàn quốc, Bộ NN-PTNT (2015)

Hiện trạng đất và rừng RPH (t.t)

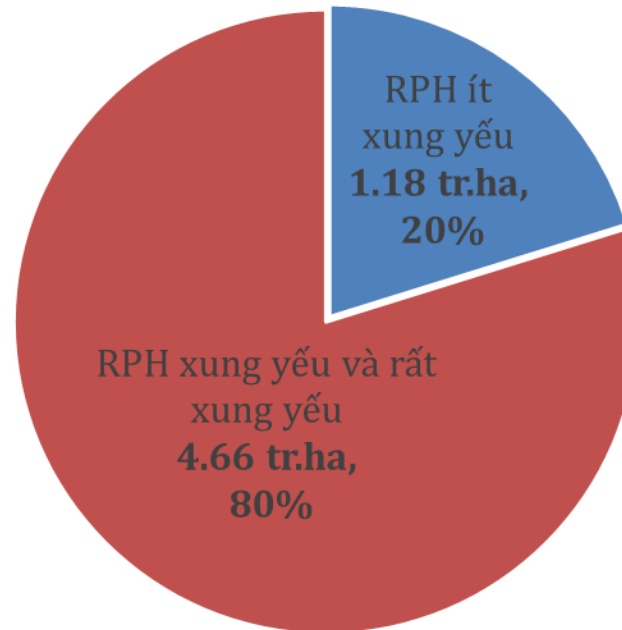
Tổng diện tích đất RPH: 5,974 triệu ha (BTNMT, 2014)



Nguồn: Quyết định 1467/QĐ-BTNMT, ngày 21/7/2014

Hiện trạng đất và rừng RPH (t.t)

Cơ cấu diện tích RPH theo phân loại đến năm 2014



1,18 triệu ha RPH ít xung yếu = 0,5 triệu ha có rừng + 0,68 triệu ha chưa có rừng (đầu nguồn, chắn gió-chắn cát, chắn sóng-lấn biển, BVMT)

tương đương với 7,15 – 7,28% tổng DT đất lâm nghiệp quy hoạch đến 2020

Đề xuất rà soát, chuyển đổi RPH ít xung yếu sang RSX: Diễn biến chính sách

- **Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến 2020 và tầm nhìn đến 2030** (Quyết định 124/QĐ-TTg; năm 2012) → 2020: quy hoạch chuyển **125.000 ha** đất RPH sang đất RSX.
- **Đề án Tái cơ cấu ngành lâm nghiệp** (Quyết định 1565/QĐ-BNN-TCLN, 2013): → 2015: hoàn thành rà soát đánh giá lại quy hoạch rừng, xác định để **duy trì hợp lý diện tích rừng đầu nguồn**, RĐĐ, chuyển số diện tích rừng còn lại sang phát triển vùng rừng nguyên liệu tập trung.
- **Nghị quyết 57/NQ-CP về Phiên họp CP thường kỳ tháng 7-2015**: → Khẩn trương rà soát, chuyển đổi một phần RPH ít xung yếu sang RSX, phát huy hiệu quả kinh tế **gắn với việc sắp xếp lại các NLT**.

Đề xuất rà soát, chuyển đổi RPH ít xung yếu sang RSX: Diễn biến chính sách

Kế hoạch rà soát diện tích RPH ít xung yếu điều chỉnh sang quy hoạch phát triển RSX (Công văn 8418/KH-BNN-TCLN; th10-2015):

- **Yêu cầu:** 05 nguyên tắc hướng dẫn
- **Đối tượng** rà soát, chuyển đổi: RPH đầu nguồn, ít xung yếu; ưu tiên diện tích đất chưa có rừng, đất có rừng trồng và rừng tự nhiên nghèo kiệt;
- **Quy mô** rà soát: 1.18 triệu ha = 20,2% DT đất RPH; 21% RPH đầu nguồn
- **Quy trình** rà soát:
 - (1) Xây dựng tiêu chí rà soát, chuyển đổi (đất đai, loại rừng, diện tích)
 - (2) Giao chủ rừng tự rà soát và thống kê RPH ít xung yếu theo chỉ đạo địa phương và tiêu chí hướng dẫn; tỉnh tổng hợp;
 - (3) Lập phê duyệt phương án chuyển đổi, trình Bộ NN-PTNT thẩm định
 - (4) Thực hiện thủ tục chuyển đổi theo Thông tư 24/2009/TT-BNN

KẾ HOẠCH

Rà soát diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu
điều chỉnh sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất

2. Yêu cầu

- Rà soát chuyển đổi một phần diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất phải phục vụ cho tái cơ cấu ngành lâm nghiệp nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- Việc rà soát, chuyển đổi phải đảm bảo phát triển lâm nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tổ chức rà soát, chuyển đổi thực hiện ngay sau khi địa phương hoàn thành tổng điều tra, kiểm kê rừng, đồng thời gắn với rà soát quy hoạch 3 loại rừng và sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Việc rà soát, chuyển đổi phải thực hiện đồng thời với giao, cho thuê rừng đối với các chủ rừng, ưu tiên giải quyết đất đai cho đồng bào dân tộc tại chỗ.

- Việc rà soát, chuyển đổi phải thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Đề xuất rà soát, chuyển đổi RPH ít xung yếu sang RSX: Diễn biến chính sách

- (Bộ) Tiêu chí rà soát diện tích quy hoạch đất RPH đầu nguồn ít xung yếu chuyển sang quy hoạch phát triển RSX

BỘ NÔNG NGHIỆP
HÁT TRIỂN NÔNG THÔN

845/QĐ-BNN-TCLN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí rà soát diện tích quy hoạch đất rừng phòng hộ
đầu nguồn ít xung yếu chuyển sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất

- Điều kiện tự nhiên: 04 tiêu chí (độ cao, lượng mưa, độ dốc, t/p đất)
- Trạng thái chuyển đổi đối với rừng tự nhiên nghèo kiệt: 05 tiêu chí
- Khu vực chuyển đổi: 3 tiêu chí
- Diện tích chuyển đổi: 1 tiêu chí

Nhận diện một số tác động và rủi ro

1. Phá vỡ cam kết và mục tiêu đến 2020 về cơ cấu RPH; suy giảm độ che phủ do mất rừng trực tiếp và nguy cơ gián tiếp (từ chuyển đổi, tiếp cận); chưa rõ mục đích là để phát triển trồng RSX hay giải quyết nhu cầu sử dụng đất

Cam kết đến 2020	Quy mô RPH	Độ che phủ
Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam 2006-2020 (năm 2007)	5,68 triệu ha	47%
Nghị quyết 17/2011/QH13 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất đến 2020 (năm 2011)	5,842 triệu ha	
Kế hoạch BVPTR giai đoạn 2011-2020 (năm 2012)	5,842 triệu ha	44-45%
Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến 2020/2030 (năm 2012)	5,842 triệu ha	44-45%
Đề án Tái cơ cấu ngành lâm nghiệp (năm 2013)	5,842 triệu ha	
Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến 2020 (Tờ trình Chính phủ số 46/TTr-CP ngày 27/2/2016)	4,618 triệu ha	

Nhận diện tác động và rủi ro

2. Rủi ro đảm bảo an toàn môi trường: Ít nhất 10 tỉnh thuộc địa bàn dự kiến rà soát và chuyển đổi 1,1 triệu ha RPH đầu nguồn ít xung yếu là những điểm nóng về mất rừng/phá rừng và dễ tổn thương với thiên tai

Địa bàn	Định hướng Tái cơ cấu theo vùng (QĐ1565, BNN, 2013)
Điện Biên, Sơn La, Lai Châu	Vùng Tây Bắc: xây dựng, củng cố hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn nằm trong lưu vực của các thủy điện bậc thang để tăng hiệu quả phòng hộ
Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai	Vùng Đông Bắc: xây dựng, củng cố hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn
Nghệ An, Thanh Hóa	xây dựng, củng cố hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn của dãy Trường Sơn
Quảng Nam	
Kon Tum, Gia Lai, Lâm Đồng	Vùng Tây Nguyên: củng cố, bảo vệ hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn là rừng tự nhiên nhằm duy trì độ che phủ rừng tự nhiên thông qua các hình thức đồng quản lý và lâm nghiệp cộng đồng

Nhận diện tác động và rủi ro

2. Rủi ro đảm bảo an toàn môi trường: Ít nhất 10 tỉnh thuộc địa bàn dự kiến rà soát và chuyển đổi 1,1 triệu ha RPH đầu nguồn ít xung yếu là những điểm nóng về mất rừng/phá rừng và dễ tổn thương với thiên tai (UNDP/MARD/CBDRM)

Bảng 1: Quyển số của biến số thành phần trong

Chỉ số Khả năng xảy ra thiên tai

Vùng	Bão	Lũ lụt	Thiên tai khác
Đồng bằng sông Hồng	0,527	0,428	0,045
Đông Bắc Bộ	0,226	0,568	0,205
Tây Bắc Bộ	0,215	0,148	0,637
Duyên hải Bắc Bộ	0,588	0,348	0,063
Duyên hải Nam Trung Bộ	0,349	0,646	0,005
Tây Nguyên	0,320	0,206	0,474
Đông Nam Bộ	0,320	0,484	0,196
Đồng bằng sông Cửu Long	0,264	0,727	0,009

Map Legend

Risk Index: Hazard Potential

0.003000 - 0.127000

0.127001 - 0.237000

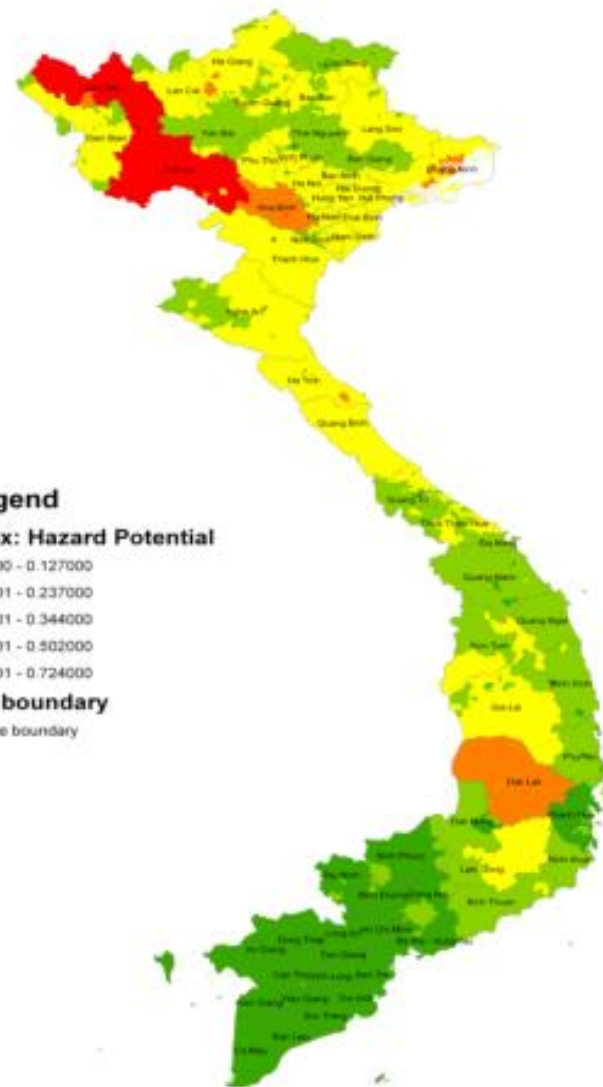
0.237001 - 0.344000

0.344001 - 0.502000

0.502001 - 0.724000

Province boundary

Province boundary



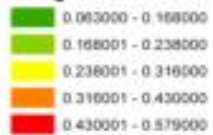
Nhận diện tác động và rủi ro

Bản đồ Chỉ số Rủi ro Cơ bản

Bản đồ Khả năng Ứng phó

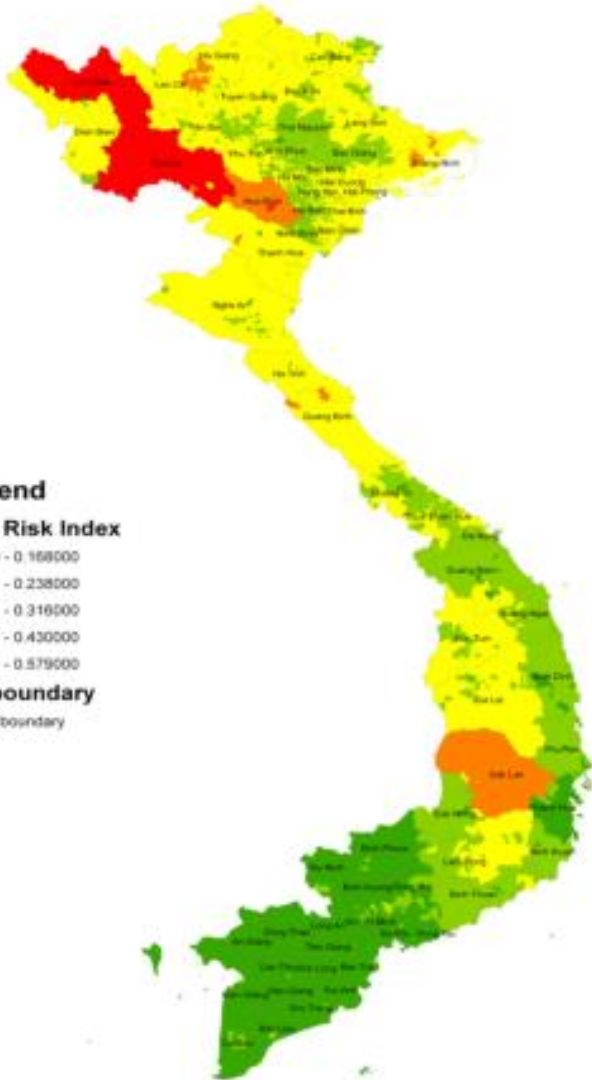
Map Legend

Integrated Risk Index



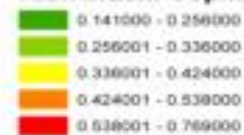
Province boundary

Province boundary



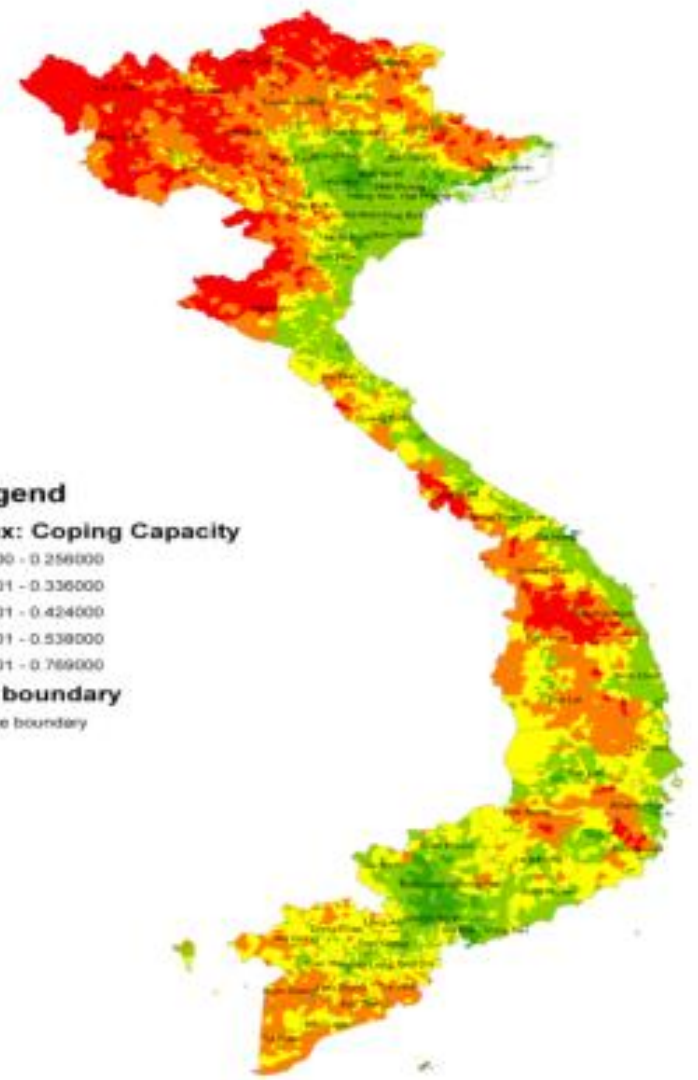
Map Legend

Risk Index: Coping Capacity



Province boundary

Province boundary



Nhận diện tác động và rủi ro

3. Quy trình thực hiện hạn chế/chưa làm rõ sự tham gia của chính quyền và cộng đồng địa phương; thiếu hướng dẫn giám sát thực hiện chuyển đổi

- Không có tham vấn rộng rãi khi xây dựng Bộ tiêu chí rà soát, chuyển đổi, nên thiếu vắng các chỉ số xã hội, chưa bám sát 05 yêu cầu/nguyên tắc;
- Giao cho chủ rừng tự rà soát và thiếu hướng dẫn tham vấn địa phương (chính quyền, cộng đồng): hạn chế tính minh bạch và hiệu quả, nhất là trên các khu vực RPH có tình trạng tranh chấp, chồng lấn quyền sử dụng đất với hộ gia đình hoặc chủ thể khác;
- Thiếu yêu cầu/hướng dẫn tham vấn đa bên (cấp huyện, tỉnh) về kết quả rà soát của các chủ rừng;
- Rủi ro từ lạm quyền/lạm dụng chuyển đổi do thiếu cơ chế, hướng dẫn giám sát thực hiện;

Nhận diện tác động và rủi ro

4. Bộ tiêu chí rà soát RPH đầu nguồn ít xung yếu đơn đơn ngành, thiếu tiếp cận xã hội về đất đai, chưa đáp ứng các yêu cầu rà soát

Tiêu chí rà soát	Cần bổ sung/tham chiếu	Đáp ứng Yêu cầu
Điều kiện tự nhiên (độ cao, lượng mưa, độ dốc, thành phần đất)	1. Thực trạng quản lý và sử dụng đất trên DT rà soát (e.g. thiếu đất sản xuất; tranh chấp quyền sử dụng đất)	(4) Ưu tiên giải quyết đất đai cho đồng bào DTTS tại chỗ
	2. Đánh giá chi phí - lợi ích sử dụng đất (trồng rừng v.s nương rẫy; đền bù tranh chấp; chi phí sản xuất v.s chất lượng đất, lựa chọn p/án sử dụng khi chuyển đổi)	(1) hiệu quả kinh tế cao; (4) giải quyết đất đai cho đồng bào DTTS tại chỗ
Trạng thái rừng (tự nhiên, nghèo kiệt)	3. Định giá rừng và các lợi ích khác (như DVMTR)	(2) đảm bảo phát triển LN bền vững; (4) cơ sở cho giao, cho thuê rừng; (5) thực hiện đúng quy định

Nhận diện tác động và rủi ro

4. Bộ tiêu chí rà soát RPH đầu nguồn ít xung yếu đơn đơn ngành, thiếu tiếp cận xã hội về đất đai, chưa đáp ứng các yêu cầu rà soát

Tiêu chí rà soát	Cần bổ sung/tham chiếu	Đáp ứng Yêu cầu
Khu vực chuyển đổi	4. Địa bàn rà soát có thuộc danh mục 6000 xã có mức độ thiên tai cao nhất?	(2) Thích ứng với BĐKH
	5. DT và mục đích chuyển đổi gắn liền với tái cơ cấu hoạt động của BQL RPH hoặc công ty lâm nghiệp	(2) Phát triển LN bền vững; (3) gắn với rà soát 3 loại rừng và đổi mới công ty LN
	6. Giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất hoặc tranh chấp SDD	(2) Phát triển LN bền vững; (4) đất đai cho đồng bào DTTS
	7. Mức độ rủi ro khi chuyển đổi tối thiểu 50ha nằm trọn trong khu vực RPH đầu nguồn	(2) Phát triển LN bền vững; (5) tuân thủ pháp luật
DT chuyển đổi phù hợp KH SDD		(5) Tuân thủ pháp luật hiện hành

Một số khuyến nghị

- Lựa chọn địa bàn rà soát: nên ưu tiên vào đối tượng đất RPH đang là đất trống (1,278 tr ha); đất do UBND xã quản lý (1,2 tr ha); đất do hộ gia đình và cộng đồng sử dụng (1,255 tr ha và 0.438 tr ha) và tiếp cận đa mục tiêu.
- Phát triển bộ tiêu chí thành hướng dẫn thực hiện rà soát với các tiêu chí bổ sung đầy đủ và đa chiều hơn; tham vấn địa phương về hướng dẫn thực hiện.
- Xây dựng cơ chế phối hợp giám sát chuyển đổi sau rà soát giữa nhà nước với các tổ chức quan tâm.



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!